

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính
phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Trà Vinh**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...5851..... Ngày: ...22/7.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Sau khi xem xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 24/6/2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Trà Vinh, gồm các nội dung như sau:

I. CHẾ ĐỘ CHI TIÊU PHỤC VỤ KỲ HỌP HĐND

1. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu HĐND, khách mời và cán bộ, công chức trực tiếp phục vụ kỳ họp của HĐND 3 cấp (HĐND tỉnh, HĐND huyện - thị xã - thành phố, HĐND xã - phường - thị trấn), mức chi: 150.000 đồng/người/ngày.

Giao Thường trực HĐND từng cấp được điều chỉnh mức chi hỗ trợ tiền ăn theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm, trên cơ sở phù hợp với khả năng ngân sách của từng cấp.

2. Đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp HĐND, cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp kỳ họp HĐND trong ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ được chi thêm bằng 100% mức chi theo khoản 1, mục I của Nghị quyết này.

3. Chi bồi dưỡng thư ký tại các kỳ họp HĐND

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/kỳ họp.
- b) Cấp huyện: 80.000 đồng/người/kỳ họp.
- c) Cấp xã: 60.000 đồng/người/kỳ họp.

4. Các khoản chi khác phục vụ kỳ họp HĐND thực hiện theo quy định hiện hành.

II. CHI CHO CÔNG TÁC THẨM TRA

Chi cho công tác thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thường trực HĐND cấp xã:

1. Chi cho công tác thẩm tra tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND là văn bản quy phạm pháp luật

Định mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Chi cho công tác thẩm tra khác theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân công của Thường trực HĐND

Chi cho công tác thẩm tra của các Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và Thường trực HĐND cấp xã đối với các tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND không phải là văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo, tờ trình khác của UBND và các cơ quan hữu quan trình tại kỳ họp theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân công của Thường trực HĐND, thực hiện như sau:

2.1. Chi soạn thảo và hoàn thiện Báo cáo thẩm tra:

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.
- c) Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo.

Mỗi kỳ họp chỉ chi 01 Báo cáo thẩm tra chung cho mỗi Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và Thường trực HĐND cấp xã. Trường hợp kỳ họp của HĐND phải thẩm tra nhiều nội dung, nếu Ban của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và Thường trực HĐND cấp xã thẩm tra trên 05 Tờ trình/kỳ họp (không tính tờ trình ban hành Nghị quyết văn bản quy phạm pháp luật) thì được xây dựng báo cáo thẩm tra riêng và được chi 02 Báo cáo thẩm tra/kỳ họp.

2.2. Chi cho người chủ trì và đại biểu dự cuộc họp thẩm tra:

- a) Cấp tỉnh: người chủ trì 200.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 100.000 đồng/người/buổi.
- b) Cấp huyện: người chủ trì 150.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 80.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: người chủ trì 100.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 50.000 đồng/người/buổi.

III. CHI CHO CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KHẢO SÁT

Chi cho công tác giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân:

1. Chi cho việc xây dựng văn bản giám sát (bao gồm: quyết định thành lập Đoàn giám sát; kế hoạch, đề cương giám sát và báo cáo tổng hợp kết quả giám sát): cấp tỉnh 1.500.000 đồng/đợt giám sát; cấp huyện 1.000.000 đồng/đợt giám sát; cấp xã 500.000 đồng/đợt giám sát. Riêng chi cho xây dựng các văn bản khảo sát mức chi bằng 60% mức chi đối với hoạt động giám sát.

2. Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát: ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật, thực hiện mức chi như sau:

a) Chi cho Trưởng đoàn giám sát, khảo sát và thành viên chính thức của Đoàn giám sát, khảo sát của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện theo mức chi họp thẩm tra quy định tại điểm 2.2, khoản 2, mục II của Nghị quyết này.

b) Chi cho cán bộ, công chức, người lao động,... phục vụ giám sát, khảo sát: cấp tỉnh 70.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi các cuộc họp giám sát, khảo sát: thực hiện theo mức chi họp thẩm tra quy định tại điểm 2.2, khoản 2, mục II của Nghị quyết này.

4. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình giữa hai kỳ họp

- Chi cho cuộc họp chất vấn, giải trình: áp dụng như mức chi họp thẩm tra quy định tại điểm 2.2, khoản 2, mục II của Nghị quyết này.

- Chi xây dựng kế hoạch chi tiết cuộc chất vấn, giải trình và báo cáo tổng hợp kết quả chất vấn, giải trình: 1.500.000 đồng/cuộc.

IV. CHI TIẾP XÚC CỬ TRI

1. Chi hỗ trợ chi phí cần thiết cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri (trang trí hội trường, nước uống cho cử tri và đại biểu, bảo vệ,...):

a) Đối với cấp tỉnh: khoán chi hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri của HĐND 3 cấp với mức chi 3.000.000 đồng/xã/năm.

b) Mức hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri của cấp huyện 400.000đồng/điểm; cấp xã 200.000 đồng/điểm.

c) Nếu một điểm tiếp xúc cử tri mà có 2 hoặc 3 cấp cùng tiếp xúc cử tri thì lấy mức chi cao nhất để chi cho điểm tiếp xúc cử tri đó.

Thường trực HĐND từng cấp được điều chỉnh mức chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri nêu trên theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm hoặc tỷ lệ tăng mức lương tối thiểu chung, trên cơ sở phù hợp với khả năng ngân sách của từng cấp.

2. Chi bồi dưỡng cho đại biểu HĐND và lực lượng phục vụ tiếp xúc cử tri: ngoài chế độ công tác theo quy định của pháp luật, thực hiện mức chi như sau:

a) Chi bồi dưỡng đại biểu 3 cấp HĐND đi tiếp xúc cử tri: 100.000đồng/người/điểm.

b) Chi cho cán bộ, công chức, người lao động,... phục vụ tiếp xúc cử tri: 50.000 đồng/người/điểm.

3. Chi cho viết báo cáo tổng hợp các ý kiến của cử tri đầy đủ, kịp thời: cấp tỉnh 200.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 100.000 đồng/báo cáo; cấp xã 50.000 đồng/báo cáo.

V. CHI TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Chi cho đại biểu HĐND chuyên trách tiếp công dân tại cơ quan hoặc trụ sở tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi.

2. Các đối tượng khác: thực hiện mức chi theo Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 18/4/2012 của HĐND tỉnh Trà Vinh phê chuẩn định mức chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

VI. CHI CÔNG TÁC PHÍ

1. Chi công tác phí cho đại biểu HĐND

a) Khoản chi công tác phí cho đại biểu HĐND tỉnh không chuyên trách khi thực hiện các hoạt động của HĐND (đi tiếp xúc cử tri, đi giám sát, dự kỳ họp, các cuộc họp do Thường trực, các Ban HĐND tỉnh tổ chức,...) với mức chi 2.500.000 đồng/năm/đại biểu.

b) Đối với đại biểu HĐND tỉnh không chuyên trách được sử dụng ô tô đi công tác theo quy định tại Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ, mức khoán chi công tác phí là 3.000.000 đồng/năm/đại biểu.

c) Đại biểu HĐND tỉnh chuyên trách, đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc chi công tác phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đại biểu (không phải là đại biểu HĐND) nếu được Thường trực, các Ban HĐND 3 cấp mời tham dự kỳ họp HĐND, cuộc họp của Thường trực và các Ban HĐND thì được thanh toán tiền công tác phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

VII. CHI CHO CÔNG TÁC LẤY Ý KIẾN LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Một số dự án Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết,... của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức lấy ý kiến các ngành và rộng rãi trong nhân dân, mức chi như sau:

1. Chi cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận dự án Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết nghiên cứu đóng góp bằng văn bản hoặc tổ chức cuộc họp lấy ý kiến ở các ngành, các cấp:

a) Cấp tỉnh: 600.000 đồng/văn bản đối với tổ chức; 200.000 đồng/văn bản đối với cá nhân. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến 600.000 đồng/cuộc.

b) Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản đối với tổ chức; 100.000 đồng/văn bản đối với cá nhân. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến 300.000 đồng/cuộc.

c) Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản đối với tổ chức; 50.000 đồng/văn bản đối với cá nhân. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến 200.000 đồng/cuộc.

2. Chi cho người chủ trì và đại biểu dự cuộc họp lấy ý kiến:

a) Cấp tỉnh: người chủ trì 100.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 50.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện: người chủ trì 70.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 40.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã: người chủ trì 50.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp: 500.000 đồng/báo cáo đối với cấp tỉnh; 300.000 đồng/báo cáo đối với cấp huyện; 150.000 đồng/báo cáo đối với cấp xã.

VIII. CHI SOẠN THẢO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT HĐND (do Thường trực, các Ban HĐND soạn thảo trình kỳ họp HĐND)

1. Chi cho việc soạn thảo dự thảo Nghị quyết của HĐND (do Thường trực, các Ban HĐND soạn thảo trình kỳ họp HĐND):

1.1. Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND là văn bản quy phạm pháp luật: định mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

1.2. Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND là văn bản thường:

1.2.1. Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản hoàn chỉnh (Tờ trình và dự thảo Nghị quyết).

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản hoàn chỉnh (Tờ trình và dự thảo Nghị quyết).

c) Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản hoàn chỉnh (Tờ trình và dự thảo Nghị quyết).

1.2.2. Đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung

a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/văn bản hoàn chỉnh (Tờ trình và dự thảo Nghị quyết).

b) Cấp huyện: 150.000 đồng/văn bản hoàn chỉnh (Tờ trình và dự thảo Nghị quyết).

c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản hoàn chỉnh (Tờ trình và dự thảo Nghị quyết).

2. Chi rà soát kỹ thuật, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND để trình ký (tất cả các dự thảo Nghị quyết của HĐND đã thông qua tại kỳ họp):

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/văn bản.
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/văn bản.
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/văn bản.

IX. CHI HỖ TRỢ ĐẠI BIỂU HĐND

1. Hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu HĐND: hỗ trợ kinh phí phục vụ việc họp Tổ đại biểu HĐND: cấp tỉnh: 500.000 đồng/quý/Tổ; cấp huyện: 400.000 đồng/quý/Tổ; cấp xã: 300.000 đồng/quý/Tổ.

2. Hỗ trợ tiền may trang phục đối với đại biểu HĐND: mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp may 01 bộ trang phục (lễ phục), mức hỗ trợ như sau:

- a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
- b) Cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
- c) Cấp xã: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

d) Trường hợp đại biểu HĐND tham gia ở nhiều cấp thì hưởng ở cấp cao nhất, đại biểu HĐND vừa là cấp ủy viên của các cấp ủy Đảng thuộc đối tượng được hưởng theo Quy định số 3454-QĐ/TU ngày 30/3/2010 của Tỉnh ủy về "Một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các cấp ủy địa phương", thì có thể hưởng theo quy định của Tỉnh ủy hoặc hưởng theo chế độ này.

3. Hỗ trợ tiền may trang phục đối với cán bộ, công chức, nhân viên của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hội đồng nhân dân, được cấp may 01 bộ trang phục (lễ phục), mức hỗ trợ như sau:

- a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.
- b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

4. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh được trang cấp một máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng.

5. Chi hỗ trợ phí khai thác Internet: đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ tiền truy cập Internet để nhận tài liệu và tra cứu thông tin phục vụ hoạt động của đại biểu với mức khoán 400.000 đồng/tháng/đại biểu.

6. Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm: Ngoài các chế độ theo quy định (nếu có), đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hàng năm theo mức: cấp tỉnh 3.000.000 đồng/người/năm; cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/năm; cấp xã: 1.000.000 đồng/người/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên. Trường hợp đại biểu HĐND tham gia ở nhiều cấp thì chỉ được hưởng ở cấp cao nhất.

X. CHẾ ĐỘ CHI KHÁC

1. Chế độ chi thăm, tặng quà các đối tượng chính sách - xã hội

Chế độ thăm, tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động Hội đồng nhân dân; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo,... khi tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà. Mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi được quy định cụ thể như sau:

- Thường trực HĐND tỉnh: tặng cho tập thể mức cao nhất 3.000.000đ/lần, tặng quà cho cá nhân mức cao nhất 1.000.000 đồng/lần.

- Thường trực HĐND cấp huyện: tặng cho tập thể mức cao nhất 2.000.000 đồng/lần, tặng quà cho cá nhân mức cao nhất 500.000 đồng/lần.

2. Chế độ thăm hỏi trợ cấp

a) Đối với đại biểu HĐND tỉnh

- Đại biểu HĐND tỉnh khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi trợ cấp không vượt quá 4.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.

- Chi thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân: 1.000.000 đồng/người/lần.

- Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND tỉnh khi từ trần thì gia đình được trợ cấp 2.000.000 đồng.

- + Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND tỉnh khi từ trần thì gia đình được trợ cấp 1.000.000 đồng.

b) Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân):

- Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu được áp dụng bằng 80% như đối với đại biểu HĐND tỉnh. Riêng trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi trợ cấp không vượt quá 2.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.

c) Các mức chi trên của cấp huyện bằng 70% mức chi của cấp tỉnh; mức chi của cấp xã bằng 70% mức chi của cấp huyện.

3. Chi tặng quà lưu niệm

- Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh (trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân) được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, mức chi: cấp tỉnh 2.000.000 đồng/người, cấp huyện 1.500.000 đồng/người, cấp xã 1.000.000 đồng/người. Giao Thường trực HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh mức chi trên khi chỉ số giá tiêu dùng tăng nhưng không vượt quá 10% mức chi trên.

- Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân) khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi tối đa là 1.000.000 đồng.

Điều 2. Các chế độ, định mức chi tiêu tài chính nêu trên thay thế cho các chế độ, định mức chi tiêu tài chính quy định tại Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 09/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Trà Vinh. Riêng đối với các chế độ, định mức chi được cấp 1 lần/đại biểu/nhiệm kỳ được thực hiện từ đầu nhiệm kỳ 2011 - 2016 (nếu đã cấp rồi thì được cấp bù số tiền chênh lệch giữa quy định cũ và quy định mới); chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm được thực hiện từ ngày 01/01/2014.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp chỉ đạo thực hiện cụ thể; Ban Kinh tế - Ngân sách và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoá VIII - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11/7/2013 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2013./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- TT.TU, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Kho bạc NN;
- TT.HĐND huyện - TP, xã - phường - thị trấn;
- BLĐVP: HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm TH - Công báo tỉnh;
- Báo Trà Vinh, Đài PTTH tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, Phòng công tác HĐND.

CHỦ TỊCH



Dương Hoàng Nghĩa